

29. Phường Tam Điệp

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường Quang Trung (QL1A)	Đường Thiên Quan	Đường Trương Hán Siêu	14.500
		Đường Trương Hán Siêu	Đường Quang Sơn	17.000
		Đường Quang Sơn	Hết địa phận phường Tam Điệp	8.500
2	Đường Ngô Văn Sở	Đường Thiên Quan	Đường Phan Huy Ích	
		Phía đồi		3.000
		Phía Suối		1.500
		Đường Phan Huy Ích	Đường Trần Phú	3.000
3	Đường Trương Hán Siêu	Đường Quang Trung	Đường Trần Phú	9.500
4	Đường Suối Ngầm	Đường Quang Trung	Đường Trần Phú	6.000
5	Đường Tạ Uyên	Đường Quang Trung	Cổng Trung tâm Y tế Tam Điệp	7.000
		Cổng Trung tâm Y tế Tam Điệp	Đường Vũ Duy Thanh	2.000
		Gặp Đường Vũ Duy Thanh	Đường Trần Phú	2.500
6	Đường Đồng Giao	Đường Quang Trung	Đường Trần Phú	7.000
		Đường Trần Phú	Đường Phạm Văn Đồng	11.000
		Đường rẽ vào tổ dân phố Khe Gỏi	Hết địa phận phường Tam Điệp	1.000
7	Đường Trần Phú	Ngã 3 cổng trường CĐDNCDXD	Đường Tạ Uyên	7.500
		Đường Tạ Uyên	Đường Đồng Giao	8.200
		Đường Đồng Giao	Đường Quang Trung	9.200
8	Đường Thanh Niên	Đường Quang Trung	Đường Trần Hưng Đạo	9.200

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Xuân Thủy	2.000
		Đường Xuân Thủy	Đường Trần Phú	3.000
9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	6.000
		Đường Thanh Niên	Đường Hoàng Quốc Việt	4.000
10	Đường Kim Đồng	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	5.000
11	Đường Vạn Xuân	Đường Trần Phú	Đến cuối đường	4.000
12	Đường Phan Huy Ích (Đường Ngô Văn Sở nhánh 1)	Đường Quang Trung	Đường Ngô Văn Sở (hết đất bà Hiền)	
		Phía đôi		3.000
		Phía Suối		1.700
13	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Ngã 3 cổng trường CDDNCĐXD	Đường Xuân Thủy	1.700
14	Đường Xuân Thủy	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thanh Niên	3.000
		Đường Thanh Niên	Đường Vạn Xuân	1.700
		Đường Vạn Xuân	Hết đường	1.500
15	Đường Thiên Quan (Quốc lộ 12B cũ)	Đường Quang Trung	Đường Ngô Văn Sở	9.000
16	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	3.000
		Đường Thanh Niên	Hết đường	3.500
17	Đường Trần Quang Diệu	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Trung Ngạn	1.700
18	Đường Nguyễn Trung Ngạn	Đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Quang Diệu	2.000
		Đường Trần Quang Diệu	Đường Phan Huy Ích (Qua Suối tổ 2)	1.700

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
19	Đường Trương Công Định	Đường Quang Trung	Ngã tư đường rẽ đi Trung tâm Y tế Tam Điệp	3.000
		Ngã tư đường rẽ đi TT Y tế Tam Điệp	Đường Vũ Duy Thanh	1.700
20	Đường Vũ Duy Thanh (Đi theo hướng tổ 10A)	Đường Trần Phú	Đường Tạ Uyên	1.700
		Đường Tạ Uyên	Đường Quang Trung	3.000
21	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Thanh Niên	Gặp Đường Nguyễn Du	3.000
22	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Quang Trung	Đường Đồng Giao	3.000
		Đường Đồng Giao	Đường Trần Hưng Đạo	3.000
		Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	2.800
23	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Đồng Giao	Đường Trần Hưng Đạo	3.200
		Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	2.200
24	Đường Lê Lợi	Đường Đồng Giao	Đường Trần Hưng Đạo	3.200
		Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	2.200
25	Đường Đào Duy Từ	Đường Nguyễn Du	Đường Đồng Giao	4.500
26	Đường Quang Sơn	Đường Quang Trung	Đường Hồ Xuân Hương	4.500
		Đường Hồ Xuân Hương	Đường Lý Thái Tổ	3.500
		Đường Lý Thái Tổ	Đến đền Chúa Mỏ	2.000
		Đền Chúa Mỏ	Đến ngã ba đường Hồ Than	1.500
27	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Quang Trung	Đường Quang Sơn	4.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
28	Đường Lê Ngọc Hân (Đường Z879 -Lũ 279)	Đường Quang Trung	Cổng Z879 - Lũ đoàn 279	1.200
29	Đường Chi Lăng	Đường Quang Trung	Cổng nhà máy xi măng Tam Điệp	3.700
		Cổng nhà máy Xi măng Tam Điệp	Ngã 3 Đường Ngô Thị Sỹ	1.300
30	Đường Đặng Tiến Đông	Đường Quang Sơn	Đường Phan Bội Châu	4.000
31	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Đồng Giao	Đường Quang Sơn	6.000
32	Đường Phan Bội Châu	Đường Quang Sơn (Điểm đỗ xe nhà hàng Kim Sơn)	Đường Phạm Văn Đồng	4.000
33	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Hồ Xuân Hương	Hết đường	1.300
34	Đại lộ Hoa Lư	Đường Phạm Văn Đồng	Nút giao cao tốc Bắc Nam	10.000
		Nút giao cao tốc Bắc Nam	Hết địa phận phường Tam Điệp	8.000
35	Đường Ngô Thị Sỹ	Đường Chi Lăng	Ngã 3 Tân Nhuận	1.000
36	Đường Trung Thượng	Đường Quang Sơn	Đường Chi Lăng	1.000
37	Đường Lý Thái Tổ			7.500
38	Các lô dãy trong khu dân cư phía Đông Đường Lý Thái Tổ	Đường 20.5 m		5.600
		Các đường còn lại		4.200
39	Đường trước cổng công ty giày Adora	Đường Lý Thái Tổ	Đường vành đai khu công nghiệp	1.800
40	Đường vành đai Khu công nghiệp	Đường Quang Sơn	Đường Chi Lăng	1.600
41	Khu dân cư mới phía Đông khu công nghiệp II			5.200
42	Đường trong Khu dân cư có quy hoạch Đường từ 5,0m trở lên đã được bê tông toàn bộ hoặc một phần bề mặt đường thuộc khu dân cư tổ 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10A; 10B; 11; 12; 13; 14; 15; 18; 19; 20; 1A; 2A; 3A; 4A; 5A; 6A; 7A			2.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
43	Đường có quy hoạch < 5.0m, Các ngách cắt vào nhà, các đường khác chưa có mặt bê tông 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10A; 10B; 11; 12; 13; 14; 15; 18; 19; 20; 1A; 2A; 3A; 4A; 5A; 6A; 7A			1.500
44	Các tuyến đường thuộc Tổ dân phố Trại Vòng			1.500
45	Các tuyến đường thuộc Tổ dân phố Tân Trung; Tổ dân phố Tân Nam; Tổ dân phố Tân Hạ; Tổ dân phố Thống Nhất; Tổ dân phố Tân Thượng; Tổ dân phố Tân Nhuận; Tổ dân phố Bãi Sỏi			1.000
46	Các tuyến đường của tổ dân phố Hang Nước; Khe Gò; Sông Vắn			1.000
47	Đường trong Khu dân cư phía Bắc đường Đồng Giao			5.000
48	Đường trong Khu dân cư phía Nam đường Đồng Giao			5.000
49	Đường trong Khu dân cư phía Bắc Đại lộ Hoa Lư			5.000
50	Đường trong Khu dân cư phía Nam Đại lộ Hoa Lư			5.000
51	Các đường phát sinh mới hoặc chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt đường như sau:			
51.1	Các tuyến đường còn lại có mặt cắt ngang đường từ 10m đến dưới 20m			4.000
51.2	Các tuyến đường còn lại có mặt cắt ngang đường trên 20m			5.000